TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU** Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST Ngày: 17-01-2025 Về việc "Xin ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Hữu Hiệp.

Ông Đỗ Minh Lắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mẫn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 410/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc "*Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1966 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Trịnh Hoàng L, sinh năm 1970 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 11 năm 2024, bà Nguyễn Thị K trình bày*:

Về hôn nhân: Bà và ông Trịnh Hoàng L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1990 nhưng không ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng ý kiến trong việc tính toán làm ăn và sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng thường xuyên gây áp lực cho nhau, không quan tâm, cảm thông và nhường nhịn nhau nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Nay bà và ông L không còn tình cảm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với ông Trịnh Hoàng L.

Về con chung: Bà và ông Trịnh Hoàng L có 01 người con chung tên Trịnh Chí H, sinh năm 2003. Hiện con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Đối với ông Trịnh Hoàng L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo việc bà Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng ông L không có ý kiến gì đối với yêu cầu cảu bà K và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị K khởi kiện xin ly hôn với ông Trịnh Hoàng L, nơi cư trú: Ấp C, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Nguyễn Thị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. ông Trịnh Hoàng L đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông L vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà K, ông L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K và ông Trịnh Hoàng L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1990, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân giữa bà K và ông L là hôn nhân không hợp pháp không được pháp luật thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận bà Nguyễn Thị K và ông Trịnh Hoàng L là vợ chồng.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị K và ông Trịnh Hoàng L có 01 người con chung tên Trịnh Chí H, sinh năm 2003. Bà K xác định con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không xem xét

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng. Ngày 11 tháng 11 năm 2024, bà K đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006809 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu.

[4] Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm bà Nguyễn Thị K, ông Trịnh Hoàng L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 14, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị K và ông Trịnh Hoàng L là vợ chồng.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng. Ngày 11 tháng 11 năm 2024, bà K đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006809 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu.

Bản án sơ thẩm bà Nguyễn Thị K, ông Trịnh Hoàng L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Nghi